

CHECKLIST ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI THƯƠNG MẠI

Sử dụng trước khi gửi brief cho NEXA ONE.

01 - Sản phẩm

Tên sản phẩm, quy cách, chứng nhận hiện có, quyền sở hữu hoặc phân phối.

☐

02 - Năng lực cung ứng

Sản lượng, MOQ, lead time, giá mục tiêu và khả năng cung cấp mẫu.

☐

03 - Thị trường

Quốc gia, nhóm khách hàng, kênh ưu tiên và căn cứ lựa chọn thị trường.

☐

04 - Mục tiêu thương mại

Tìm nguồn, xuất khẩu, phân phối, đại diện hay kiểm chứng thị trường.

☐

05 - Nguồn lực

Đầu mối quyết định, ngân sách, tài liệu sẵn có và thời gian dự kiến.

☐

06 - Tuân thủ

Yêu cầu pháp lý, nhãn, chứng nhận, kiểm nghiệm hoặc giới hạn chia sẻ dữ liệu.

☐

DECISION QUESTIONS

- Thông tin nào đã được xác minh?

- Giả định nào còn cần kiểm chứng?

- Quyết định nào cần được đưa ra sau bước đánh giá?

TRADE OPPORTUNITY QUALIFICATION CHECKLIST

Use this before submitting a brief to NEXA ONE.

01 - Product

Product name, specification, current certification, ownership or distribution rights.

☐

02 - Supply readiness

Capacity, MOQ, lead time, target pricing, and sample availability.

☐

03 - Target market

Country, customer segment, priority channel, and rationale for market selection.

☐

04 - Commercial objective

Sourcing, export, distribution, representation, or market validation.

☐

05 - Resources

Decision-maker, working contact, budget, available documents, and expected timing.

☐

06 - Compliance

Legal, labeling, certification, testing, and data-sharing requirements.

☐

DECISION QUESTIONS

- What information has been verified?

- Which assumptions still require evidence?

- What decision should follow the assessment?

贸易机会评估清单

提交项目需求前，可使用本清单完成初步准备。

01 - 产品信息

产品名称、规格、现有认证、产品权属或分销授权。

☐

02 - 供应准备度

产能、起订量、交付周期、目标价格及样品准备情况。

☐

03 - 目标市场

国家、客户群体、优先渠道及选择该市场的依据。

☐

04 - 商业目标

货源开发、出口、分销、贸易代表或市场验证。

☐

05 - 项目资源

决策人、日常联系人、预算、现有资料及预计时间。

☐

06 - 合规要求

法律、标签、认证、检测及数据共享限制。

☐

DECISION QUESTIONS

● 哪些信息已经完成验证？

● 哪些假设仍需要事实依据？

● 完成评估后需要作出什么决策？
